

Chương III
SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN.
SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT.

Câu 1: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng thứ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

- a/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.
- b/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây thứ cấp → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.
- c/ Bần → Tầng sinh bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Gỗ thứ cấp → Tuỷ.
- d/ Tầng sinh bần → Bần → Mạch rây sơ cấp → Mạch rây thứ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ thứ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 2: Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng sơ cấp?

- a/ Làm tăng kích thước chiều dài của cây.
- b/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.
- c/ Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
- d/ Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

Câu 3: Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của mạch rây và gỗ trong sinh trưởng sơ cấp như thế nào?

- a/ Gỗ nằm phía ngoài còn mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.
- b/ Gỗ và mạch rây nằm phía trong tầng sinh mạch.
- c/ Gỗ nằm phía trong còn mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.
- d/ Gỗ và mạch rây nằm phía ngoài tầng sinh mạch.

Câu 4: Mô phân sinh bên và phân sinh lóng có ở vị trí nào của cây?

- a/ Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
- b/ Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.
- c/ Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
- d/ Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.

Câu 5: Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của gỗ sơ cấp và thứ cấp trong sinh trưởng thứ cấp như thế nào?

- a/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía trong còn gỗ sơ cấp nằm phía ngoài.
- b/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía ngoài còn gỗ sơ cấp nằm phía trong.
- c/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía ngoài còn gỗ sơ cấp nằm phía trong.
- d/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó gỗ thứ cấp nằm phía trong còn gỗ sơ cấp nằm phía ngoài.

Câu 6: Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây?

- a/ Ở đỉnh rễ. b/ Ở thân. c/ Ở chồi nách. d/ Ở chồi đỉnh.

Câu 7: Lấy tuỷ làm tâm, sự phân bố của mạch rây sơ cấp và thứ cấp trong sinh trưởng thứ cấp như thế nào?

- a/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía ngoài còn mạch sơ cấp nằm phía trong.

b/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía trong còn mạch sơ cấp nằm phía ngoài.

c/ Cả hai đều nằm phía ngoài tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía ngoài còn mạch sơ cấp nằm phía trong.

d/ Cả hai đều nằm phía trong tầng sinh mạch, trong đó mạch thứ cấp nằm phía trong còn mạch sơ cấp nằm phía ngoài.

Câu 8: Giải phẫu mặt cắt ngang thân sinh trưởng sơ cấp theo thứ tự từ ngoài vào trong thân là:

a/ Vỏ → Biểu bì → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

b/ Biểu bì → Vỏ → Mạch rây sơ cấp → Tầng sinh mạch → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

c/ Biểu bì → Vỏ → Gỗ sơ cấp → Tầng sinh mạch → Mạch rây sơ cấp → Tuỷ.

d/ Biểu bì → Vỏ → Tầng sinh mạch → Mạch rây sơ cấp → Gỗ sơ cấp → Tuỷ.

Câu 9: Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

a/ Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

b/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

c/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây hai lá mầm.

d/ Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây một lá mầm.

Câu 10: Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng thứ cấp?

a/ Làm tăng kích thước chiều ngang của cây.

b/ Diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm và hạn chế ở cây hai lá mầm.

c/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh mạch.

d/ Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản (vỏ).

Câu 11: Sinh trưởng thứ cấp là:

a/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân thảo hoạt động tạo ra.

b/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân gỗ hoạt động tạo ra.

c/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây một lá mầm do mô phân sinh bên của cây hoạt động tạo ra.

d/ Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh lóng của cây hoạt động tạo ra.

Câu 12: Người ta sử dụng Auxin tự nhiên (AIA) và Auxin nhân tạo (ANA, AIB) để:

a/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

b/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

c/ Hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

d/ Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả có hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

Câu 13: Gibêrelin có vai trò:

a/ Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.

b/ Làm giảm số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.

c/ Làm tăng số lần nguyên phân, giảm chiều dài của tế bào và tăng chiều dài thân.

d/ Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và giảm chiều dài thân.

Câu 14: Xitôkilin chủ yếu sinh ra ở:

- a/ Đỉnh của thân và cành.
- b/ Lá, rễ
- c/ Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả.
- d/ Thân, cành

Câu 15: Auxin chủ yếu sinh ra ở:

- a/ Đỉnh của thân và cành.
- b/ Phôi hạt, chóp rễ.
- c/ Tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả.
- d/ Thân, lá.

Câu 16: Êtylen có vai trò:

- a/ Thúc quả chóng chín, ức chế rụng lá và rụng quả.
- b/ Thúc quả chóng chín, rụng quả, kìm hãm rụng lá.
- c/ Thúc quả chóng chín, rụng lá kìm hãm rụng quả.
- d/ Thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

Câu 17: Người ta sử dụng Gibêrelin để:

- a/ Làm giảm độ nảy mầm của hạt, chồi, củ, kích thích sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.
- b/ Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây và phát triển bộ rễ, tạo quả không hạt.
- c/ Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.
- d/ / Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, phát triển bộ lá, tạo quả không hạt.

Câu 18: Gibêrelin chủ yếu sinh ra ở:

- a/ Tế bào đang phân chia ở, hạt, quả.
- b/ thân, cành.
- c/ Lá, rễ.
- d/ Đỉnh của thân và cành.

Câu 19: Axit abxixic (ABA) có vai trò chủ yếu là:

- a/ Kìm hãm sự sinh trưởng của cây, lỏng, trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng mở.
- b/ Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lỏng, làm mất trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.
- c/ Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lỏng, gây trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.
- d/ Kìm hãm sự sinh trưởng của cành, lỏng, làm mất trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng mở.

Câu 20: Hoocmôn thực vật Là:

- a/ Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng điều tiết hoạt động của cây.
- b/ Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra chỉ có tác dụng ức chế hoạt động của cây.
- c/ Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng kháng bệnh cho cây.
- d/ Những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra chỉ có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây.

Câu 21: Xitôkilin có vai trò:

- a/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm tăng sự hoá già của tế bào.
- b/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.
- c/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển của chồi bên và sự hoá già của tế bào.

d/ Kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và làm chậm sự phát triển chồi bên, làm chậm sự hoá già của tế bào.

Câu 22: Tương quan giữa GA/AAB điều tiết sinh lý của hạt như thế nào?

a/ Trong hạt khô, GA và AAB đạt trị số ngang nhau.

b/ Trong hạt nảy mầm, AAB đạt trị lớn hơn GA.

c/ Trong hạt khô, GA đạt trị số cực đại, AAB rất thấp. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, giảm xuống rất mạnh; còn AAB đạt trị số cực đại.

d/ Trong hạt khô, GA rất thấp, AAB đạt trị số cực đại. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại còn AAB giảm xuống rất mạnh.

Câu 23: Không dùng Auxin nhân tạo đối với nông phẩm trực tiếp làm thức ăn là vì:

a/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng lá.

b/ Không có enzym phân giải nên tích lũy trong nông phẩm sẽ gây độc hại đối với người và gia súc.

c/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng củ.

d/ Làm giảm năng suất của cây sử dụng thân.

Câu 24: Những hoocmôn thực vật thuộc nhóm kìm hãm sự sinh trưởng là:

a/ Auxin, xitôkinin.

b/ Auxin, gibêrelin.

c/ Gibêrelin, êtylen.

d/ Etylen, Axit absixic.

Câu 25: Auxin có vai trò:

a/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa.

b/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá.

c/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

d/ Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.

Câu 26: Đặc điểm nào không có ở hoocmôn thực vật?

a/ Tính chuyển hoá cao hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

b/ Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.

c/ Được vận chuyển theo mạch gỗ và mạch rây.

d/ Được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác.

Câu 27: Axit abxixic (AAB) chỉ có ở:

a/ Cơ quan sinh sản.

b/ Cơ quan còn non.

c/ Cơ quan sinh dưỡng.

d/ Cơ quan đang hoá già.

Câu 28: Những hoocmôn thực vật thuộc nhóm kích thích sinh trưởng là:

a/ Auxin, Gibêrelin, xitôkinin.

b/ Auxin, Etylen, Axit absixic.

c/ Auxin, Gibêrelin, Axit absixic.

d/ Auxin, Gibêrelin, êtylen.

Câu 29: Êtylen được sinh ra ở:

a/ Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả còn xanh.

b/ Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả đang chín.

c/ Hoa, lá, quả, đặc biệt trong thời gian rụng lá, hoa già, quả đang chín.

d/ Hầu hết các phần khác nhau của cây, đặc biệt trong thời gian ra lá, hoa già, quả đang chín.

Câu 30: Cây ngày ngắn là cây:

a/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 8 giờ.

b/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 10 giờ.

c/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 12 giờ.

d/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng ít hơn 14 giờ.

Câu 31: Các cây ngày ngắn là:

- a/ Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.
- b/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.
- c/ Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.
- d/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

Câu 32: Phitôcrôm P_{đx} có tác dụng:

- a/ Làm cho hạt nảy mầm, khí khổng mở, ức chế hoa nở.
- b/ Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng mở.
- c/ Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng đóng.
- d/ Làm cho hạt nảy mầm, kìm hãm hoa nở và khí khổng mở.

Câu 33: Cây dài ngày là:

- a/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 8 giờ.
- b/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.
- c/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 12 giờ.
- d/ Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.

Câu 34: Các cây trung tính là cây;

- a/ Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.
- b/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.
- c/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.
- d/ Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.

Câu 35: Quang chu kì là:

- a/ Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm.
- b/ Thời gian chiếu sáng xen kẽ với bóng tối bằng nhau trong ngày.
- c/ Thời gian chiếu sáng trong một ngày.
- d/ Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm trong một mùa.

Câu 36: Cây cà chua đến tuổi lá thứ mấy thì ra hoa?

- a/ Lá thứ 14.
- b/ Lá thứ 15.
- c/ Lá thứ 12.
- d/ Lá thứ 13.

Câu 37: Florigen kích thích sự ra hoa của cây được sinh ra ở:

- a/ Chồi nách.
- b/ Lá.
- c/ Đỉnh thân.
- d/ Rễ.

Câu 38: Phitôcrôm là:

- a/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.
- b/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là phi prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.
- c/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì và cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các lá cần ánh sáng để quang hợp.
- d/ Sắc tố cảm nhận quang chu kì nhưng không cảm nhận ánh sáng, có bản chất là prôtêin và chứa các hạt cần ánh sáng để nảy mầm.

Câu 39: Phát triển ở thực vật là:

- a/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.
- b/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.
- c/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện ở ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

d/ Toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 40: Mối liên hệ giữa Phitôcrôm P_d và $P_{đx}$ như thế nào?

- a/ Hai dạng chuyển hoá lẫn nhau dưới sự tác động của ánh sáng.
- b/ Hai dạng không chuyển hoá lẫn nhau dưới sự tác động của ánh sáng.
- c/ Chỉ dạng P_d chuyển hoá sang dạng $P_{đx}$ dưới sự tác động của ánh sáng.
- d/ Chỉ dạng $P_{đx}$ chuyển hoá sang dạng P_d dưới sự tác động của ánh sáng.

Câu 41: Phitôcrôm có những dạng nào?

- a/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 660nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa ($P_{đx}$) có bước sóng 730nm.
- b/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 730nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa ($P_{đx}$) có bước sóng 660nm.
- c/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 630nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa ($P_{đx}$) có bước sóng 760nm.
- d/ Dạng hấp thụ ánh sáng đỏ (P_d) có bước sóng 560nm và dạng hấp thụ ánh sáng đỏ xa ($P_{đx}$) có bước sóng 630nm.

Câu 42: Tuổi của cây một năm được tính theo:

- a/ Số lóng. b/ Số lá. c/ Số chồi nách. d/ Số cành.

Câu 43: Cây trung tính là:

- a/ Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa mưa và ở ngày ngắn vào mùa khô.
- b/ Cây ra hoa ở cả ngày dài và ngày ngắn.
- c/ Cây ra hoa ở ngày dài vào mùa lạnh và ở ngày ngắn vào mùa nóng.
- d/ Cây ra hoa ở ngày ngắn vào mùa lạnh và ở ngày dài vào mùa nóng.

Câu 44: Các cây ngày dài là các cây:

- a/ Cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.
- b/ Thược dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía.
- c/ Hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.
- d/ Thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương.

SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT.

Câu 45: Sinh trưởng của cơ thể động vật là:

- a/ Quá trình tăng kích thước của các hệ cơ quan trong cơ thể.
- b/ Quá trình tăng kích thước của cơ thể do tăng kích thước và số lượng của tế bào.
- c/ Quá trình tăng kích thước của các mô trong cơ thể.
- d/ Quá trình tăng kích thước của các cơ quan trong cơ thể.

Câu 46: Testostêrôn được sinh sản ra ở:

- a/ Tuyến giáp. b/ Tuyến yên. c/ Tinh hoàn. d/ Buồng trứng.

Câu 47: Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:

- a/ Cá chép, gà, thỏ, khỉ. b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. d/ Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 48: Biến thái là:

- a/ Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.
- b/ Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.
- c/ Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

d/ Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

Câu 49: Sinh trưởng và phát triển của động vật không qua biến thái là kiểu phát triển mà con non có:

- a. đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành nhưng khác về sinh lý.
- b. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý khác với con trưởng thành.
- c. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.
- d. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý khác với con trưởng thành.

Câu 50: Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái hoàn toàn là:

- a/ Cá chép, gà, thỏ, khỉ. b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. d/ Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 51: Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả:

- a/ Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.
- b/ Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- c/ Người bé nhỏ hoặc khổng lồ.
- d/ Các đặc điểm sinh dục nam kém phát triển.

Câu 52: Nhân tố quan trọng điều khiển sinh trưởng và phát triển của động vật là:

- a/ Nhân tố di truyền. b/ Hoocmôn.
- c/ Thức ăn. d/ Nhiệt độ và ánh sáng

Câu 53: Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là:

- a/ Trường hợp ấu trùng phát triển hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành.
- b/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành.
- c/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành.
- d/ Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành.

Câu 54: Những động vật sinh trưởng và phát triển thông qua biến thái không hoàn toàn là:

- a/ Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. b/ Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.
- c/ Châu chấu, ếch, muỗi. d/ Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

Câu 55: Oestrôgen được sinh ra ở:

- a/ Tuyến giáp. b. Buồng trứng. c/ Tuyến yên. d/ Tinh hoàn.

Câu 56: Oestrôgen có vai trò:

- a/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- b/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.
- d/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

Câu 57: Hoocmôn sinh trưởng (GH) được sản sinh ra ở:

- a/ Tinh hoàn. b/ Tuyến giáp. c/ Tuyến yên. d. Buồng trứng.

Câu 58: Tirôxin được sản sinh ra ở:

- a/ Tuyến giáp. b/ Tuyến yên. c/ Tinh hoàn. d. Buồng trứng.

Câu 59: Tirôxin có tác dụng:

- a/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 60: Phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà con non có :

- a. đặc điểm hình thái, sinh lí rất khác với con trưởng thành.
- b. đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.
- c. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.
- d. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 61: Hoocmôn sinh trưởng có vai trò:

- a/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 62: Phát triển của cơ thể động vật bao gồm:

- a/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- b/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phân hoá tế bào.
- c/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.
- d/ Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

Câu 63: Testostêrôn có vai trò:

- a/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.
- b/ Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.
- c/ Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.
- d/ Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 64: Thời kì mang thai không có trứng chín và rụng là vì:

- a/ Khi nhau thai được hình thành, thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêrôn ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.
- b/ Khi nhau thai được hình thành sẽ tiết ra hoocmôn kích dục nhau thai (HCG) duy trì thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêrôn ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.
- c/ Khi nhau thai được hình thành sẽ tiết ra hoocmôn kích dục nhau thai ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.
- d/ Khi nhau thai được hình thành sẽ duy trì thể vàng tiết ra hoocmôn Prôgestêrôn ức chế sự tiết ra FSH và LH của tuyến yên.

Câu 65: Thời gian rụng trứng trung bình vào ngày thứ mấy trong chu kì kinh nguyệt ở người?

- a/ Ngày thứ 25.
- b/ Ngày thứ 13.
- c/ Ngày thứ 12.
- d/ Ngày thứ 14.

Câu 66: Vì sao đối với động vật hằng nhiệt khi đến mùa rét thì sự sinh trưởng và phát triển bị ảnh hưởng?

- a/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá, sinh sản giảm.
- b/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng tạo nhiều năng lượng để chống rét.
- c/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.
- d/ Vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Câu 67: Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là:

- a/ Các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.
- b/ Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- c/ Người nhỏ bé hoặc không lồ.
- d/ Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 68: Thể vàng sản sinh ra hoocmôn:

- a/ FSH.
- b/ LH.
- c/ HCG.
- d/ Prôgestêron.

Câu 69: Các biện pháp ngăn cản tinh trùng gặp trứng là:

- a/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng, uống viên tránh thai.
- b/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn trứng, xuất tinh ngoài, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.
- c/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, xuất tinh ngoài, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.
- d/ Dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, đặt vòng tránh thai, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

Câu 70: Các nhân tố môi trường có ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn nào trong quá trình phát sinh cá thể người?

- a/ Giai đoạn phôi thai.
- b/ Giai đoạn sơ sinh.
- c/ Giai đoạn sau sơ sinh.
- d/ Giai đoạn trưởng thành.

Câu 71: Tuyến yên sản sinh ra các hoocmôn:

- a/ Hoocmôn kích thích trứng, hoocmôn tạo thể vàng.
- b/ Prôgestêron và Ôstrôgen.
- c/ Hoocmôn kích dục nhau thai Prôgestêron.
- d/ Hoocmôn kích nang trứng Ôstrôgen.

Câu 72: Chu kỳ kinh nguyệt ở người diễn ra trung bình bao nhiêu ngày?

- a/ 30 ngày.
- b/ 26 ngày.
- c/ 32 ngày.
- d/ 28 ngày.

Câu 73: Khi trời rét thì động vật biến nhiệt sinh trưởng và phát triển chậm là vì:

- a/ Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng.
- b/ Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể mạnh tạo nhiều năng lượng để chống rét.
- c/ Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.
- d/ Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể tăng, sinh sản giảm.

Câu 74: Sự phối hợp của những loại hoocmôn nào có tác động làm cho niêm mạc dạ con dày, phồng lên, tích đầy máu trong mạch chắn bị cho sự làm tổ của phôi trong dạ con?

- a/ Prôgestêron và Ôstrôgen.
- b/ Hoocmôn kích thích nang trứng, Prôgestêron.
- c/ Hoocmôn tạo thể vàng và hoocmôn Ôstrôgen.
- d/ Hoocmôn thể vàng và Prôgestêron.

Câu 75: Tại sao tắm vào lúc ánh sáng yếu có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ?

- a/ Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Na để hình thành xương.
- b/ Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Ca để hình thành xương.
- c/ Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá K để hình thành xương.
- d/ Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò ô xy hoá để hình thành xương.

Câu 76: Nhau thai sản sinh ra hoocmôn:

- a/ Prôgestêron. b/ FSH. c/ HCG. d/ LH.

Câu 77: Ý nào không đúng với vai trò của thức ăn đối với sự sinh trưởng và phát triển của động vật?

- a/ Làm tăng khả năng thích ứng với mọi điều kiện sống bất lợi của môi trường.
- b/ Gia tăng phân bào tạo nên các mô, các cơ quan, hệ cơ quan.
- c/ Cung cấp nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ.
- d/ Cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của cơ thể.

Câu 78: Ecdixon có tác dụng:

- a/ Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- b/ Gây ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.
- c/ Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- d/ Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.

Câu 79: Sự phối hợp của các loại hoocmôn nào có tác dụng kích thích phát triển nang trứng và gây rụng trứng?

- a/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), Prôgestêron và hoocmôn Ôstrôgen.
- b/ Prôgestêron, hoocmôn tạo thể vàng (LH) và hoocmôn Ôstrôgen.
- c/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), hoocmôn tạo thể vàng (LH) và hoocmôn Ôstrôgen.
- d/ Hoocmôn kích thích nang trứng (FSH), hoocmôn tạo thể vàng (LH) và Prôgestêron.

Câu 80: Juvenin có tác dụng:

- a/ Gây lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- b/ Gây lột xác của sâu bướm, ức chế sâu biến thành nhộng và bướm.
- c/ Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
- d/ Ức chế sự lột xác của sâu bướm, kìm hãm sâu biến thành nhộng và bướm.

Chương IV

SINH SẢN

SINH SẢN Ở THỰC VẬT.

Câu 81: Sự hình thành giao tử đực ở cây có hoa diễn ra như thế nào?

- a/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản giảm phân tạo 4 giao tử đực.

b/ Tế bào mẹ nguyên phân hai lần cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân 1 lần tạo 2 giao tử đực.

c/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → 1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 2 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân 1 lần tạo 2 giao tử đực.

d/ Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử → Mỗi tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn → Tế bào sinh sản nguyên phân một lần tạo 2 giao tử đực.

Câu 82: Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

a/ Rêu, hạt trần.

b/ Rêu, quyết.

c/ Quyết, hạt kín.

d/ Quyết, hạt trần.

Câu 83: Đa số cây ăn quả được trồng trọt mở rộng bằng:

a/ Gieo từ hạt.

b/ Ghép cành.

c/ Giâm cành.

d/ Chiết cành.

Câu 84: Sinh sản vô tính là:

a/ Tạo ra cây con giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

b/ Tạo ra cây con giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

c/ Tạo ra cây con giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

d/ Tạo ra cây con mang những tính trạng giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

Câu 85: Những cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành là vì:

a/ Dễ trồng và ít công chăm sóc.

b/ Dễ nhân giống nhanh và nhiều.

c/ để tránh sâu bệnh gây hại.

d/ Rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

Câu 86: Trong thiên nhiên cây tre sinh sản bằng:

a/ Rễ phụ.

b/ Lóng.

c/ Thân rễ.

d/ Thân bò.

Câu 87: Sinh sản bào tử là:

a/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

b/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do nguyên phân ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

c/ Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do giảm phân ở pha giao tử thể của những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và thể giao tử.

d/ Tạo ra thế hệ mới từ hợp tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

Câu 88: Đặc điểm của bào tử là:

a/ Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây đơn bội.

b/ Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây lưỡng bội.

c/ Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây đơn bội.

d/ Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

Câu 89: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

a/ Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

b/ Tạo được nhiều biể dị làm nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 90: Sinh sản hữu tính ở thực vật là:

- a/ Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- c/ Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái và nhiều giao tử đực tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- d/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 91: Cần phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép là vì:

- a/ Để tránh gió, mưa làm lay cành ghép.
- b/ Để tập trung nước nuôi các cành ghép.
- c/ Để tiết kiệm nguồn chất dinh dưỡng cung cấp cho lá.
- d/ Loại bỏ sâu bệnh trên lá cây.

Câu 92: Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

- a/ Phục chế những cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.
- b/ Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.
- c/ Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.
- d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền tạo nguồn nguyên liệu cho chọn giống.

Câu 93: Đặc điểm của bào tử là:

- a/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.
- b/ Tạo được ít cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.
- c/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ gió, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.
- d/ Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

Câu 94: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

- a/ Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.
- b/ Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.
- c/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
- d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 95: Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

- a/ Phục chế giống cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.
- b/ Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.
- c/ Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.
- d/ Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền cung cấp cho chọn giống.

Câu 96: Sinh sản sinh dưỡng là:

- a/ Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.
- b/ Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.
- c/ Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.
- d/ Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

Câu 97: Thụ tinh ở thực vật có hoa là:

- a/ Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.
- b/ Sự kết nhân của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

c/ Sự kết hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử.

d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng trong túi phôi.

Câu 98: Trong quá trình hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

a/ 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

b/ 2 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

c/ 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

d/ 2 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

Câu 99: Bộ nhiễm sắc thể có mặt trong sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa như thế nào?

a/ Tế bào mẹ, đại bào tử mang $2n$; tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

b/ Tế bào mẹ, đại bào tử mang, tế bào đối cực đều mang $2n$; tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

c/ Tế bào mẹ mang $2n$; đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

d/ Tế bào mẹ, đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm đều mang $2n$; tế bào trứng, nhân cực đều mang n .

Câu 100: Sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa diễn ra như thế nào?

a/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử \rightarrow 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 1 nhân cực.

b/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử \rightarrow mỗi đại bào tử t nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 2 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

c/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử \rightarrow 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 2 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

d/ Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử \rightarrow 1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

Câu 101: Trong quá trình hình thành túi phôi ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

a/ 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

b/ 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

c/ 1 lần giảm phân, 3 lần nguyên phân.

d/ 1 lần giảm phân, 4 lần nguyên phân.

Câu 102: Tự thụ phấn là:

a/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.

b/ Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa cùng một cây.

c/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với cây khác loài.

d/ Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.

Câu 103: Ý nào không đúng khi nói về quả?

a/ Quả là do bầu nhụy dày sinh trưởng lên chuyển hoá thành.

b/ Quả không hạt đều là quả đơn tính.

c/ Quả có vai trò bảo vệ hạt.

d/ Quả có thể là phương tiện phát tán hạt.

Câu 104: Thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

a/ Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

b/ Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

c/ Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

Câu 105: Thụ phấn chéo là:

a/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác loài.

b/ Sự thụ phấn của hạt phấn với nhụy của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.

c/ Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhụy của cây khác cùng loài.

d/ Sự kết hợp giữa tinh tử và trứng của cùng hoa.

Câu 106: Ý nào không đúng khi nói về hạt?

a/ Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.

b/ Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi.

c/ Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ.

d/ Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

Câu 107: Bản chất của sự thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

a/ Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

b/ Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

c/ Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

d/ Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

Câu 108: Bộ nhiễm sắc thể ở tế bào có mặt trong sự hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa như thế nào?

a/ Tế bào mẹ $2n$; các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

b/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn đều mang $2n$, các giao tử mang n .

c/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử $2n$; tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

d/ Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản $2n$; tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n .

Câu 109: Bộ nhiễm sắc thể của các nhân ở trong quá trình thụ tinh của thực vật có hoa như thế nào?

a/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $2n$.

b/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $4n$.

c/ Nhân của giao tử n , của nhân cực n , của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $3n$.

d/ Nhân của giao tử n , của nhân cực $2n$, của trứng là n , của hợp tử $2n$, của nội nhũ $3n$.

Câu 110: Thụ phấn là:

a/ Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhụy.

b/ Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn.

c/ Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhụy

d/ Sự rơi hạt phấn vào núm nhụy và nảy mầm.

SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT

Câu 111: Đặc điểm nào không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

- a/ Cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.
- b/ Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể.
- c/ Tạo ra số lượng lớn con cháu trong thời gian ngắn.
- d/ Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường.

Câu 112: Điều nào không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật?

- a/ Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diễn ra bên ngoài cơ thể con cái.
- b/ Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diễn ra bên trong cơ thể con cái.
- c/ Thụ tinh trong làm tăng tỷ lệ sống sót của con non.
- d/ Thụ tinh ngoài làm tăng hiệu quả thụ tinh.

Câu 113: Sinh sản vô tính ở động vật là:

- a/ Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống và khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- b/ Một cá thể luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- c/ Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- d/ Một cá thể luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

Câu 114: Sinh sản vô tính ở động vật dựa trên những hình thức phân bào nào?

- a/ Trực phân và giảm phân.
- b/ Giảm phân và nguyên phân.
- c/ Trực phân và nguyên phân.
- d/ Trực phân, giảm phân và nguyên phân.

Câu 115: Các hình thức sinh sản nào chỉ có ở động vật không xương sống?

- a/ Phân mảnh, nảy chồi.
- b/ Phân đôi, nảy chồi.
- c/ Trinh sinh, phân mảnh.
- d/ Nảy chồi, phân mảnh.

Câu 116: Sinh sản hữu tính ở động vật là:

- a/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- b/ Sự kết hợp ngẫu nhiên của hai giao tử đực và cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- c/ Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- d/ Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 117: Nguyên tắc của nhân bản vô tính là:

- a/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
- b/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (2n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
- c/ Chuyển nhân của tế bào xô ma (2n) vào một tế bào trứng, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.
- d/ Chuyển nhân của tế bào trứng vào tế bào xô ma, kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

Câu 118: Hạn chế của sinh sản vô tính là:

- a/ Tạo ra các thế hệ con cháu không đồng nhất về mặt di truyền, nên thích nghi khác nhau trước điều kiện môi trường thay đổi.
- b/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng đồng nhất trước điều kiện môi trường thay đổi.
- c/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.
- d/ Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng chậm chạp trước điều kiện môi trường thay đổi.

Câu 119: Hướng tiến hoá về sinh sản của động vật là:

- a/ Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.
- b/ Từ hữu tính đến vô tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.
- c/ Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ trứng đến đẻ con.
- d/ Từ vô tính đến hữu tính, thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ con đến đẻ trứng.

Câu 120: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật?

- a/ Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.
- b/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
- c/ Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.
- d/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 121: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn giản nhất?

- a/ Nảy chồi. b/ Trinh sinh. c/ Phân mảnh. d/ Phân đôi.

Câu 122: Hình thức sinh sản vô tính nào có ở động vật không xương sống và có xương sống?

- a/ Phân đôi. b/ Nảy chồi. c/ Trinh sinh. d/ Phân mảnh.

Câu 123: Bản chất của quá trình thụ tinh ở động vật là:

- a/ Sự kết hợp của hai giao tử đực và cái.
- b/ Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái.
- c/ Sự kết hợp các nhân của nhiều giao tử đực với một nhân của giao tử cái.
- d/ Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội (n) của hai giao tử đực và cái tạo thành bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội (2n) ở hợp tử.

Câu 124: Điều nào không đúng khi nói về thụ tinh ở động vật?

- a/ Tự phối (tự thụ tinh) là sự kết hợp giữa 2 giao tử đực và cái cùng được phát sinh từ một cơ thể lưỡng tính.
- b/ Các động vật lưỡng tính chỉ có hình thức tự thụ tinh.
- c/ Giao phối (thụ tinh chéo) là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái được phát sinh từ hai cơ thể khác nhau.
- d/ Một số dạng động vật lưỡng tính vẫn xảy ra thụ tinh chéo.

Câu 125: Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

- a/ Nảy chồi. b/ Phân đôi. c/ Trinh sinh. d/ Phân mảnh.

Câu 126: Ý nào không phải là sinh sản vô tính ở động vật đa bào?

- a/ Trứng không thụ tinh (trinh sinh) phát triển thành cơ thể.
- b/ Bào tử phát triển thành cơ thể mới.

c/ Mảnh vụn từ cơ thể phát triển thành cơ thể mới.

d/ Chồi con sau khi được hình thành trên cơ thể mẹ sẽ được tách ra thành cơ thể mới.

Câu 127: Điều nào không đúng khi nói về sinh sản của động vật?

a/ Động vật đơn tính chỉ sinh ra một loại giao tử đực hoặc cái.

b/ Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính.

c/ Động vật lưỡng tính sinh ra cả hai loại giao tử đực và cái.

d/ Có động vật có cả hai hình thức sinh sản vô tính và hữu tính.

Câu 128: Hình thức sinh sản vô tính nào có cả ở động vật đơn bào và đa bào?

a/ Trinh sinh. b/ Phân mảnh. c/ Phân đôi. d/ Nảy chồi.

Câu 129: Tuyến yên tiết ra những chất nào?

a/ FSH, testôstêron.

b/ LH, FSH

c/ Testôstêron, LH.

d/ Testôstêron, GnRH.

Câu 130: LH có vai trò:

a/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron

c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

d/ Kích thích tuyến yên tiết FSH.

Câu 131: Sự điều hoà sinh tinh và sinh trứng chịu sự chi phối bởi:

a/ Hệ thần kinh. b/ Các nhân tố bên trong cơ thể.

c/ Các nhân tố bên ngoài cơ thể. d/ Hệ nội tiết.

a/ Testôstêron. b/ FSH. c/ Inhibin. d/ GnRH.

Câu 132: Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản giao phối so với sinh sản tự phối ở động vật?

a/ Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.

b/ Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

c/ Là hình thức sinh sản phổ biến.

d/ Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

Câu 133: FSH có vai trò:

a/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron

c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

d/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH.

Câu 134: LH có vai trò:

a/ Kích thích phát triển nang trứng.

b/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

c/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

d/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

Câu 135: Sinh sản theo kiểu giao phối tiến hoá hơn sinh sản vô tính là vì:

a/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

b/ Thế hệ sau có sự đồng nhất về mặt di truyền tạo ra khả năng thích nghi đồng loạt trước sự thay đổi của điều kiện môi trường.

c/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có hại và tăng cường khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

d/ Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có lợi thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

Câu 136:Thể vàng tiết ra những chất nào?

- a/ Prôgestêron và Östrôgen. b/ FSH, Östrôgen.
c/ LH, FSH. d/ Prôgestêron, GnRH

Câu 137: FSH có vai trò:

- a/ Kích thích phát triển nang trứng.
b/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.
c/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.
d/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

Câu 138: Thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài là vì?

- a/ Không nhất thiết phải cần môi trường nước.
b/ Không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.
c/ Đỡ tiêu tốn năng lượng. d/ Cho hiệu suất thụ tinh cao.

Câu 139: Khi nồng độ testôstêron trong máu cao có tác dụng:

- a/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.
b/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.
c/ Kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.
d/ Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 140: GnRH có vai trò:

- a/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.
b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron.
c/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH và FSH.
d/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 141: Testôstêron có vai trò:

- a/ Kích thích tuyến yên sản sinh LH.
b/ Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra FSH.
c/ Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.
d/ Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 142: Tế bào kẽ tiết ra chất nào?

- a/ LH. b/ FSH. c/ Testôstêron. d/ GnRH.

Câu 143: Prôgestêron và Östrôgen có vai trò:

- a/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.
b/ Kích thích phát triển nang trứng.
c/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.
d/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

Câu 144: Những yếu tố nào sau đây gây rối loạn quá trình sinh trứng và làm giảm khả năng sinh tinh trùng?

- a/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.

b/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và thiếu ăn, suy dinh dưỡng.

c/ Căng thẳng thần kinh (Stress), sợ hãi, lo âu, buồn phiền kéo dài và chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể.

d/ Chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.

Câu 145: Biện pháp cho thụ tinh nhân tạo đạt sinh sản cao và dễ đạt được mục đích chọn lọc những đặc điểm mong muốn ở con đực giống?

a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

b/ Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể.

c/ Nuôi cấy phôi. d/ Thụ tinh nhân tạo bên ngoài cơ thể.

Câu 146: Khi nồng độ Prôgestêrôn và ôstrôgen trong máu tăng cao có tác dụng:

a/ Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

b/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

c/ Kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

d/ Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.

Câu 147: Thụ tinh nhân tạo được thực hiện theo biện pháp nào?

a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

b/ Thay đổi yếu tố môi trường.

c/ Nuôi cấy phôi.

d/ Thụ tinh nhân tạo.

Câu 148: GnRH có vai trò:

a/ Kích thích phát triển nang trứng.

b/ Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

c/ Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

d/ Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

Câu 149: Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình trình sinh trứng khi:

a/ Nồng độ GnRH giảm. b. Nồng độ FSH và LH cao.

c/ Nồng độ Prôgestêrôn và ôstrôgen giảm.

d/ Nồng độ Prôgestêrôn và ôstrôgen cao.

Câu 150: Biện pháp nào có tính phổ biến và hiệu quả trong việc điều khiển tỷ lệ đực cái?

a/ Phân lập các loại giao tử mang nhiễm sắc thể X và nhiễm sắc thể Y rồi sau đó mới cho thụ tinh.

b/ Dùng các nhân tố môi trường ngoài tác động.

c/ Dùng các nhân tố môi trường trong tác động.

d/ Thay đổi cặp nhiễm sắc thể giới tính ở hợp tử.

Câu 151: Những biện pháp nào thúc đẩy trứng chín nhanh và rụng hàng loạt?

a/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp, thay đổi yếu tố môi trường.

b/ Nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.

c/ Nuôi cấy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.

d/ Nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

Câu 152: Tỷ lệ đực cái ở động vật bậc cao xấp xỉ tỷ lệ 1:1 phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào?

a/ Cơ chế xác định giới tính.

b/ Ảnh hưởng của môi trường trong cơ thể.

c/ Ảnh hưởng của môi trường ngoài cơ thể.

d/ Ảnh hưởng của tập tính giao phối.

Câu 153: Tại sao cấm xác định giới tính ở thai nhi người?

a/ Vì sợ ảnh hưởng đến tâm lí của người mẹ.

b/ Vì tâm lí của người thân muốn biết trước con trai hay con gái.

c/ Vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi.

d/ Vì định kiến trọng nam khinh nữ, dẫn đến hành vi làm thay đổi tỷ lệ trai và gái.

Câu 154: Cơ sở khoa học của uống thuốc tránh thai là:

a/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

b/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

c/ Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

c/ Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

d/ Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và oestrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

Câu 155: Thụ tinh nhân tạo được sử dụng trong các biện pháp nào?

a/ Nuôi cấy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.

b/ Thụ tinh nhân tạo, nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

c/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích tổng hợp, thay đổi các yếu tố môi trường.

d/ Thay đổi các yếu tố môi trường, nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.

Câu 156: Biện pháp nào làm tăng hiệu quả thụ tinh nhất?

a/ Thay đổi các yếu tố môi trường.

b/ Thụ tinh nhân tạo.

c/ Nuôi cấy phôi.

d/ Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích tổng hợp.

Câu 157: Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình sinh tinh trùng khi:

a/ Nồng độ GnRH cao. b/ Nồng độ testôstêron cao.

c/ Nồng độ testôstêron giảm. d/ Nồng độ FSH và LH giảm.

Câu 158: Ý nào không đúng với sinh đẻ có kế hoạch?

a/ Điều chỉnh khoảng cách sinh con.

b/ Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.

c/ Điều chỉnh thời điểm sinh con. d/ Điều chỉnh về số con.

Câu 159: Ý nào dưới đây không đúng với vai trò thoát hơi nước ở lá?

a/ Tạo ra một sức hút nước của rễ.

b/ Làm giảm nhiệt độ của bề mặt lá.

c/ Làm cho khí khổng mở và khí CO₂ sẽ đi từ không khí vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

d. Làm cho khí khổng mở và khí O₂ sẽ thoát ra không khí.

Câu 160: Hô hấp sáng là quá trình hô hấp:

- a/ Làm tăng sản phẩm quang hợp. b/ Xảy ra trong bóng tối.
c/ Tạo ATP. d/ Xảy ra ngoài ánh sáng.